

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày 28 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn V Sâm

Bà Lê Thị Kim - Giáo viên trường THCS Lê

Thánh Tông

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Lê Diệu L - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lưu Xuân V, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1999 tại xã T, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Lưu Xuân H, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Trương Thị T, sinh năm 1961; Tiền án; Tiền sự: Không; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5; Chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giam từ 10/12/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Đình C, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1999 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T 3 xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Đỗ Đình C, sinh năm 1972; Mẹ đẻ: Trịnh Thị T, sinh năm 1975; Tiền án: Không; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Ngày 23/5/2020 bị Công an xã T xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 17/6/2020 đã chấp hành xong.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Thu H, sinh ngày 14/5/2005. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T xã T, huyện T, tỉnh T

- *Người đại diện hợp pháp cho Bị hại:*

Chị Lê Thị H, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N xã T, huyện T, tỉnh T.

Người làm chứng:

1. Bà Hà Thị H, sinh năm 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1 xã X, huyện T, tỉnh T

2. Anh Hoàng Đình B, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4 xã X, huyện T, tỉnh T

3. Anh Trịnh Ngọc L, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T xã T, huyện T, tỉnh T.

4. Cháu Nguyễn PH L, sinh năm 2006. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T xã T, huyện T, tỉnh T.

5. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 2003. Có mặt

Địa chỉ: Thôn L xã T, huyện T, tỉnh T.

6. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1957. Vắng mặt

7. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1997. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Y xã Đ, huyện H, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng tháng 5/2020 Lưu Xuân V có làm quen kết bạn và có nảy sinh tình cảm yêu đương với Nguyễn Thu H, sinh ngày 14/5/2005, trú tại thôn xã T, huyện T, tỉnh T. Đến tháng 7/2020 V nhắn tin rủ H đi chơi, H đồng ý. Khoảng 09h V đi xe máy đến xã T đón H đến nhà nghỉ Đồng Quê ở thôn 4 xã Xuân Lai thuê phòng 301 để nghỉ. Sau khi vào phòng V và H nằm lên giường nói chuyện một lúc rồi cả 2 tự cởi bỏ quần áo của mình để quan hệ tình dục với nhau. H tự nằm xuống giường còn V nằm đè lên trên rồi đưa dương vật của mình vào trong âm hộ của H để giao cấu. Quá trình giao cấu cả 2 không sử dụng biện pháp tránh thai nào. Khoảng 10 đến 15 phút V xuất tinh vào bên trong âm hộ của H. Quan hệ tình dục xong, V và H đi tắm, trả phòng nghỉ rồi đi đến nhà anh Nguyễn Đức Lương, sinh năm 2003 ở thôn Long L Nội xã T chơi. Chiều cùng ngày V đưa H về nhà tại xã Thiệu Thành, huyện T.

Lưu Xuân V và Đỗ Đình C là bạn, khoảng giữa năm 2020 C đến nhà V uống rượu thì gặp và kết bạn Facebook với Nguyễn Thu H. Tối ngày 23/8/2020 C nhắn tin qua ứng dụng Messenger rủ H đi chơi. H đồng ý. C thuê xe Taxi xuống xã T, huyện T đón H đến nhà nghỉ C ở thôn 4 xã X, huyện T, tỉnh T thuê phòng

202 để uống bia và tâm sự. Tại đây H gọi điện thoại rủ thêm bạn là Nguyễn PH L, sinh năm 2006 ở thôn Th xã T, huyện T lên chơi cùng. L đồng ý và rủ thêm bạn Trịnh Ngọc L, sinh năm 1993 trú tại thôn Th xã T, huyện T đi cùng. Khoảng 21h cùng ngày PH L và Ngọc L đi xe mô tô đến cổng trường THPT Lê Hoàn ở xã X thì được C đón vào nhà nghỉ C. Tại phòng số 202 C, H, PH L và Ngọc L đã uống bia với nhau. Đến khoảng 23h cùng ngày, C thuê thêm phòng nghỉ số 302 để ngủ cho rộng. Sau đó Ngọc L và PH L ngủ tại phòng số 202, còn C và H lên phòng số 302 ngủ. Tại phòng 302 C đã có quan hệ tình dục với H. C đưa dương vật của mình vào âm hộ của H để giao cấu. Quá trình giao cấu cả hai đều không sử dụng biện pháp tránh thai nào. Đến khoảng 02h ngày 24/8/2020 H xuống phòng 202 gọi Ngọc L lên phòng số 302 ngủ với C để H ngủ cùng PH L. Sáng cùng ngày Ngọc L thức dậy về đi làm, C sau đó rời nhà nghỉ. H và PH L ở lại nhà nghỉ thêm 2, 3 ngày nữa thì H gọi cho V lên cùng thanh toán tiền phòng rồi về nhà. Đến tháng 9/2020 H phát hiện mình có thai.

Tháng 11/2020 H gặp, quen biết và yêu đương với Đặng V Q, sinh năm 1997, trú tại thôn Y xã Đ, huyện H, tỉnh T. Q biết H đã có thai với người khác nhưng vẫn yêu và đưa H về nhà mình. Quá trình ở cùng Q và H không quan hệ tình dục với nhau vì sợ ảnh hưởng đến thai nhi. Mẹ của Q là bà Đặng Thị H đã đăng ký thẻ bảo hiểm cho H tại UBND xã Đ, huyện H. Đến ngày 27/4/2021 H nhờ Q đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện H để sinh con, gia đình H không có ai, phải sinh mổ nên Q khai với Bệnh viện là chồng của H để cam đoan cho H mổ đẻ. Ngày 21/7/2021 H đưa con trai về nhà mẹ đẻ là Lê Thị H, sinh năm 1985, trú tại thôn Ng xã T, huyện T, tỉnh T. Do chị H không có nhà nên H để con trai lại rồi đi chơi. Chị H về nhà phát hiện cháu bé ở nhà mình thì trình báo Công an xã T, huyện T. Nguyễn Thị H sau đó đến nhận con và khai báo với Công an xã T đã quan hệ tình dục với C vào tháng 8/2020 tại xã X dẫn đến có thai và sinh con. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chuyển tin báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo Thẩm quyền.

Ngày 12/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 159/CSĐT trưng cầu giám định AND để xác định quan hệ huyết thống mẹ con đối với Nguyễn Thu H với cháu bé mà H khai nhận là con trai.

Tại Bản kết luận giám định số AND 120/2021/TTPY ngày 30/8/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Giám định AND xác định quan hệ huyết thống mẹ con đối với Nguyễn Thu H, sinh năm 2005, trú tại thôn Th xã T, huyện T, tỉnh T với cháu bé có mẫu niêm mạc miệng thu giữ: Có quan hệ huyết thống Mẹ - Con.

Ngày 04/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 211/CSĐT trưng cầu giám định AND để xác định quan hệ huyết thống bố con đối với Đỗ Đình C với cháu bé là con trai Nguyễn Thu H.

Tại Bản kết luận giám định số AND 139/2021/TTPY ngày 13/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Giám định pháp y AND xác định Đỗ Đình C,

sinh năm 1999, trú tại thôn Trung Lập 3 xã X, huyện T, tỉnh T và cháu bé con trai Nguyễn Thị H có mẫu tế bào niêm mạc miệng ký hiệu HT302.21-2: Không có quan hệ huyết thống Cha - Con.

Ngày 27/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 231/CSĐT trưng cầu giám định AND để xác định quan hệ huyết thống bố con đối với Lưu Xuân V và cháu bé là con trai Nguyễn Thu H.

Tại Bản kết luận giám định số AND 145/2021/TTPY ngày 02/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Giám định pháp y AND xác định quan hệ huyết thống Bố - con đối với Lưu Xuân V, sinh năm 1999, trú tại thôn T xã T, huyện T, tỉnh T và cháu bé con trai Nguyễn Thị H có mẫu tế bào niêm mạc miệng ký hiệu HT302.21-2: Có quan hệ huyết thống Cha - Con.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại và Người đại diện hợp pháp của Bị hại yêu cầu Lưu Xuân V phải bồi thường số tiền 10.000.000đ và Đỗ Đình C phải bồi thường số tiền 5.000.000đ. Các Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho Bị hại và Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

Cáo trạng số 18/CT-VKSTX ngày 25/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lưu Xuân V về tội : "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi " theo điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Đỗ Đình C về tội : "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi " theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lưu Xuân V và Đỗ Đình C phạm tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; Đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Xuân V từ 03(Ba) năm 03(ba) tháng tù đến 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/12/2021; Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Đình C từ 12(mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Buộc các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo và Bị hại không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng tháng 7/2020 tại phòng số 301 nhà nghỉ Đ ở thôn 4 xã X , huyện T, tỉnh T bị cáo Lưu Xuân V đã có hành vi giao cấu đối với cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 14/5/2005, hậu quả làm cháu H có thai và sinh con vào ngày 27/4/2021. Ngày 23/8/2020 bị cáo Đỗ Đình C đã có hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thu H tại phòng số 302 nhà nghỉ C ở thôn 4 xã X , huyện T, tỉnh T. Tính đến ngày phạm tội thì bị hại là cháu H mới 15 tuổi 3 tháng 09 ngày. Bị cáo Lưu Xuân V làm nạn nhân có thai nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự; Bị cáo Đỗ Đình C phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 điều 145 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lưu Xuân V phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự; Bị cáo Đỗ Đình C phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi ” theo khoản 1 điều 145 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 18/CT-VKSTX ngày 25/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Lưu Xuân V và Đỗ Đình C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

[4]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị hại là cháu H đang ở lứa tuổi trẻ em, về thể chất phát triển chưa đầy đủ, nhận thức còn rất nhiều hạn chế và đây là đối tượng mà gia đình và xã hội đang phải quan tâm, chăm lo giáo dục và định hướng cho các hành vi ứng xử. Hành vi đó đã xâm phạm đến tâm lý, sức khỏe, quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của trẻ em và còn gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh .

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo C có 01 Tiền sự: Ngày 23/5/2020 bị Công an xã T xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 17/6/2020 đã chấp hành xong. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Các Bị cáo và gia đình Bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho Bị hại nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị hại và Người đại diện hợp pháp của Bị hại có Đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho các Bị cáo nên các Bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, bị cáo C có 01 tiền sự nên HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, bắt các bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên HĐXX xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, các bị cáo đề không có tiền án, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các Bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về phần dân sự: Các Bị cáo và gia đình Bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho Bị hại. Bị hại và Người đại diện hợp pháp không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào: Điều 145; Điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.
- Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Xuân V và Đỗ Đình C phạm tội : “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” .
- Căn cứ: Điểm d khoản 2 điều 145; Điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Lưu Xuân V;
- Xử phạt: Bị cáo Lưu Xuân V 03(ba) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/12/2021.
- Căn cứ: Khoản 1 điều 145; Điểm b, s khoản 1,2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Đỗ Đình C;
- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đình C 12(mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.
- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Lưu Xuân V và Đỗ Đình C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo và Bị hại có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo án

sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**